

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2023

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phan Sỹ Quang	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phạm Thị Hồng Loan	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Hải Yến	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Hoàng Mỹ	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
5	Nguyễn Thị Kim Oanh	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
6	Nguyễn Ngọc Lâm	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Lê Thị Lan Anh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
8	Phan Khắc Lan	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

9	Phan Thị Phương Lan	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Đỗ Thị Thanh Nga	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Thu Hương	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Trần Quốc Dũng	Bí Thư Đoàn thanh niên	Ủy viên Hội đồng	
13	Lê Minh Tiến	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Đình Nhu	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
15	Phạm Thị Thanh Dung	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	

ĐẮK NÔNG - 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	26
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	29
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	31

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	33
Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	33
Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	33
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	35
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	37
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	38
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	40
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	41
Tiêu chí 3.2: Phòng học	42
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	44
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	45
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	46
Tiêu chí 3.6: Thư viện	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	49
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	50
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	54
Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	55

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	58
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	60
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	62
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	64
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	66
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	70
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	70
Tiêu chí 1	70
Tiêu chí 2	70
Tiêu chí 3	71
Tiêu chí 4	71
Tiêu chí 5	71
Tiêu chí 6	71
<i>Kết luận</i>	72
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	72
Phần IV. PHỤ LỤC	74

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CBGV-CNV	Cán bộ, giáo viên, công nhân viên
4	GV	Giáo viên
5	GVBM	Giáo viên bộ môn
6	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
7	HS	Học sinh
8	Sở GDĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	TĐG	Tự đánh giá
10	THPT	Trung học phổ thông

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN

Tên trước đây (nếu có): THPT Đắk Nông

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên hiệu trưởng	Phan Sỹ Quang
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Gia Nghĩa	Điện thoại	02618597777
Xã / phường/thị trấn	Phường Nghĩa Thành	Fax	
Đạt CQG	Đạt	Website	http://c3chuvanan.daknong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1977	Số điểm trường	1
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Khối lớp 10	9	8	8	9	8
Khối lớp 11	8	9	8	8	9

Khối lớp 12	8	8	9	8	8
Cộng	25	25	25	25	25

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	33	33	33	33	33	
1	Phòng học	31	31	31	31	31	
a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
b	Phòng bán kiên cố	13	13	13	13	13	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	7	7	7	7	7	
a	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khôi phục vụ học tập	5	5	5	5	5	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khôi phòng hành chính-quản trị	15	15	15	15	4	
1	Phòng kiên cố	11	11	11	11	0	
2	Phòng bán kiên cố	4	4	4	4	4	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khôi phòng chức năng khác (nếu có)	3	3	3	3	3	

	Cộng	4	4	4	4	4	
--	-------------	---	---	---	---	---	--

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	3	2	0	0	1	2	
Giáo viên	56	39	0	0	51	5	
Nhân viên	7	6	0	0	7	0	
Cộng	67	47	0	0	59	8	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
1	Tổng số giáo viên	56	0	0	0	0
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.25	0	0	0	0
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.05	0	0	0	0
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	6	0	0	0	0

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)	5				

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1067	1052	1056	1129	1176	
	- Nữ	619	611	635	652	680	
	- Dân tộc	53	51	51	62	72	
	- Khối lớp 10	383	343	341	417	405	
	- Khối lớp 11	344	372	345	369	408	
	- Khối lớp 12	340	337	370	343	363	
2	Tổng số tuyển mới	350	330	330	350	405	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	43	42	43	45	0	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	366, 100	330,100	330,100	447,100		
	- Nữ	277, 100	201,100	212,100	256,100		
	- Dân tộc thiểu số	19, 100	15,100	19,100	26,100		
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tin	55	9	0	0	0	

	h (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	49	23	21	17		
	- Nữ	31	12	13	10	0	
	- Dân tộc thiểu số	12	2	1	2	0	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	7.12	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	50.8	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	40.3	0	0	0	0	

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	1.38	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	85.94	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	13.4	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0.66	0	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	0	0	0	0	0	

Phần II TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Đăk Nông (nay là trường THPT Chu Văn An) được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 730/QĐ/UB ngày 03/7/1977 của UBND tỉnh Đăk Lăk. Đến năm 2007, trường được đổi tên thành Trường THPT Chu Văn An theo Quyết định số 319/QĐ-CTUBND ngày 14/3/2007 của UBND tỉnh Đăk Nông. Trường được xây dựng trên địa bàn tổ 2, phường Nghĩa Thành, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông. Tổng diện tích của nhà trường là 32.000m² với cảnh quan xanh, sạch, đẹp bao gồm vườn hoa, cây cảnh, cây xanh bóng mát; có các khối cơ sở vật chất thiết yếu như phòng học, nhà đa năng, các phòng nghe nhìn, phòng thiết bị thực hành, có sân chơi bãi tập, đảm bảo đáp ứng cho mục tiêu phát triển giáo dục toàn diện học sinh.

Trường THPT Chu Văn An từ ngày thành lập đến nay đã hơn 40 năm. Trong 40 năm qua tập thể sư phạm nhà trường qua các thế hệ không ngừng phấn đấu xây dựng nhà trường ngày càng lớn mạnh. Năm 2006 nhà trường được đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1413/QĐ/TTG ngày 31/10/2006); năm 2008 đón nhận Huân chương lao động hạng III (Quyết định số 33/2008/QĐ-CTN ngày 16.01.2008) của Chủ tịch nước CHXHCNVN; được Bộ Giáo dục – Đào tạo tặng bằng khen v/v đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” năm học 2009-2010 (Quyết định số 3402/QĐ-BGD&ĐT, ngày 16/8/2010). Năm 2010 được công nhận trường THPT đạt chuẩn Quốc gia (Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 25/3/2010) của UBND tỉnh Đăk Nông và được công nhận lại vào các năm 2015 (Quyết định số 873/QĐ-SGDĐT ngày 17/6/2015), 2020 (Quyết định số ../QĐ-SGDĐT ngày ...). Được công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào năm 2014 (Quyết định số 697/QĐ-SGDĐT ngày 25/7/2014) và năm 2020 (Quyết định số ../QĐ-SGDĐT ngày ...). Được cấp trên công nhận là "tập thể lao động xuất sắc" vào các năm .

Biên chế của nhà trường năm học 2021 - 2022: Tổng số lượng cán bộ, giáo viên, công nhân viên là 67 người (BGH: 04 người; giáo viên: 56 người, CNV: 6 và 1 nhân viên bảo vệ - hợp đồng 161). Tổng số học sinh: 1118, được biên chế thành 25 lớp, trong đó: 8 lớp 12 (344 hs), 8 lớp 11 (368 hs) và 9 lớp 10 (406 hs). Tổ chức Đảng, Đoàn thể: Chi bộ Đảng có 27 đảng viên, trực thuộc Thành ủy Gia Nghĩa. Công đoàn cơ sở có 67 công đoàn viên. Nhìn chung đội ngũ CB, GV, NV nhà trường cơ bản ổn định, có ý thức trách nhiệm cao trong giảng dạy văn hóa và rèn luyện đạo đức cho học sinh; đồng thời không ngừng tự học, tự bồi dưỡng và trau dồi chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới sinh hoạt chuyên môn, tham gia các cuộc thi, hội thi, viết sáng kiến,... nhờ đó mà có cơ hội trao đổi, học hỏi để ngày càng vững vàng hơn trong giảng dạy. Học sinh đầu vào của nhà trường có chất lượng khá cao, phần lớn các em đều chăm ngoan, tích cực trong rèn luyện và học tập. Chất lượng giáo dục cho học sinh của nhà trường luôn được duy trì bền vững.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra thực trạng của nhà trường từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu theo từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành. Quá trình tự đánh giá nhà trường đã thực hiện đảm bảo các yêu cầu cụ thể được quy định trong Thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch, huy động các nguồn lực, tập hợp các minh chứng cho quá trình tự đánh giá; tuyên truyền phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và nhân dân địa phương hiểu rõ mục đích, phạm vi của quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông. Sau khi tự đánh giá, nhà trường xem xét cụ thể các chỉ báo của từng tiêu chí, phát huy những nội dung đã được đánh giá đạt, xây dựng cụ thể kế hoạch cải tiến chất lượng cho những chỉ số chưa đạt hoặc đạt ở mức thấp. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành xem xét và đánh giá đầy đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí; toàn bộ các tiêu chí được tự đánh giá ở mức 1, 2, 3 (không tự xem xét, đánh giá tiêu chí mức 4). Báo cáo tự đánh giá được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, chính xác và đầy đủ các yêu cầu nhiệm vụ trong các hoạt động của nhà trường: từ tổ chức, quản lý nhà trường; cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục của nhà trường liên quan đến toàn bộ các tiêu chí.

2. Mục đích TĐG

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Chu Văn An luôn xác định: Công tác tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là việc làm thường xuyên, giữ vai trò rất quan trọng, quyết định đến hiệu quả và chất lượng của các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được mọi thành viên của nhà trường tham gia xây dựng, phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; thường xuyên được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và thống nhất cao trong tổ chức thực hiện.

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, lớp học đủ về số lượng và có cơ cấu tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được thành lập, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác như Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia, hội Khuyến học... thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quản lý hành chính, tài chính, tài sản được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định, có sự ưu tiên cho những nhiệm vụ trọng tâm từng năm học. Tài sản nhà trường được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, được quan tâm bổ sung, sửa chữa kịp thời, đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường, phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được phân công, sử dụng hợp lý đảm bảo hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo; môi trường, cảnh quan nhà trường sạch, đẹp góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và hình ảnh, uy tín của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, nhà trường đã xây dựng Đề án duy trì trường đạt chuẩn quốc gia, Đề án vị trí việc làm [H1-1.1-01]; Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2014-2015, 2014-2015 định hướng đến năm 2020, Kế hoạch phát triển Giáo dục giai đoạn 2016-2020 [H1-1.1-02]; Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015-2020 [H1-1.1-03] và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học [H1-1.1-05]. Các đề án, nghị quyết, kế hoạch của nhà trường được xây dựng rõ ràng, phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục; phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-02]. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa trong các Nghị quyết của nhà trường [H8-1.1-01] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm được xác định bằng văn bản và được Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông phê duyệt [H1-1.1-05].

c) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh được biết, được niêm yết tại bảng thông báo phòng Hội đồng; và được đăng tải lên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-06].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện duy trì kiểm định chất lượng, trường đạt chuẩn Quốc gia và thực hiện nhiệm vụ năm học thông qua các buổi họp cơ quan đầu năm, họp cơ quan hàng tháng, họp liên tịch giao ban vào thứ 6 hàng tuần, họp định kỳ Hội đồng nhà trường, họp tổ chuyên môn, đoàn thể [H8-1.1-01]; [H1-1.1-05]. Nhà trường tổ chức các hoạt động để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-02] và được đăng tải hình ảnh tư liệu hoạt động trên trang web nhà trường [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-05] và các Nghị quyết của Hội đồng nhà trường [H8-1.1-01]. Khi tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch phát triển được xây dựng bằng văn bản xác định rõ mục tiêu phân đầu, nhiệm vụ trọng tâm và biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn của nhà trường.

Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện trong kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục cấp THPT được quy định tại Luật Giáo dục.

Kế hoạch phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến và được thống nhất thực hiện với sự tham gia của mọi thành viên trong nhà trường.

Định kỳ hằng năm nhà trường rà soát, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch xây dựng và phát triển phù hợp với kế hoạch chỉ đạo của Sở giáo dục và đào tạo và tình hình thực tế của địa phương, nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn chưa thực sự bài bản, chưa thiết lập thành văn bản riêng biệt; một số nội dung trong phương hướng chiến lược xây dựng chưa chi tiết.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 nhà trường sẽ xây dựng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2035 phù hợp với điều kiện hiện có của nhà trường, với định hướng đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt, là cơ sở để nhà trường phân đầu, phát triển, khẳng định và đi lên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Chu Văn An là trường công lập, có Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng thi đua và khen thưởng được thành lập từ đầu mỗi năm học và các hội đồng như Hội đồng khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cấp trường, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia; Hội đồng hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường các năm học [H1-1.2-01].

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường trung học.

c) Các hoạt động của các hội đồng định kỳ được thực hiện rà soát đánh giá, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của nhà trường [H8-1.1-01] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04].

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện trong Sổ ghi nghị quyết của trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H8-1.1-01], trong hồ sơ thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng [H6-1.2-03] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04]. Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2018 - 2019, nhà trường có 58 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp cơ sở với 14 loại A, 25 loại B và 19 loại C; công nhận cấp tỉnh với 1 loại A, 14 loại B, 10 loại C [H6-1.2-02]; công nhận 58 giáo viên dạy giỏi cấp trường; 35 giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường, 5 giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh; 17 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh [H6-1.2-01] và có nhiều sản phẩm đồ dùng dạy học tự làm phục vụ cho dạy và học [H7-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng được thành lập đúng cơ cấu và thành phần được quy định trong Điều lệ trường trung học và hướng dẫn của cấp trên. Các thành viên của các hội đồng thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, đúng chức năng, dân chủ, trách nhiệm, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy thi đua và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Hội đồng trường chưa thực sự rõ nét.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Hội đồng trường từ năm học 2020-2021.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H8-1.3-01]; hội Khuyến học và hội cựu giáo chức trường [H1-1.2-01].
- b) Các tổ chức đều hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục, thể hiện trong kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể và các văn bản có liên quan của các tổ chức khác [H8-1.3-01]; [H1-1.3-02].
- c) Hàng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hoặc các văn bản của cấp có thẩm quyền có đánh giá về hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác [H8-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.2-01]; [H4-4.2-01]; [H6-1.2-02]; [H6-1.2-01].

Mức 2:

- a) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-02]. Chi bộ nhà trường hiện nay có 26 đảng viên đều là đảng viên chính thức [H1-1.3-02]. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam được thể hiện trong các sổ sách theo quy định của Chi bộ [H1-1.3-02]; các văn bản của cơ quan chức năng có nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các hoạt động của tổ chức Đảng [H1-1.3-02].

Trong 04 năm liền (từ năm 2016 đến năm 2019), Chi bộ nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn “Tổ chức cơ sở đảng *hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” [H1-1.3-02].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như bằng khen của Trung ương đoàn, tỉnh đoàn, giấy khen của thị đoàn Gia Nghĩa... [H1-1.3-01] và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các gia đình có công với cách mạng trên địa bàn; thực hiện mùa hè xanh tại các xã khó khăn trên địa bàn; nhận đỡ đầu xã Quảng Thành; quyên góp chia sẻ, ủng hộ bạn bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường [H6-3.1-02].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 4 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 1 năm trong sạch vững mạnh [H1-1.3-01].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường thể hiện ở các đánh giá, ghi nhận của cấp trên qua các giấy khen, bằng khen của tổ chức, đoàn thể cấp trên tặng cho các tổ chức, đoàn thể của nhà trường như bằng khen của Trung ương đoàn, tỉnh đoàn, giấy khen của thị đoàn Gia Nghĩa... [H1-1.3-01] và qua các hình ảnh hoạt động vì cộng đồng như chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ địa phương; thăm và tặng quà Tết cho các gia đình có công với cách mạng trên địa bàn; thực hiện mùa hè xanh tại các xã khó khăn trên địa bàn, nhận đỡ đầu xã Quảng Thành, thị xã Gia Nghĩa đã hoàn thành xã xây dựng nông thôn mới năm 2019; quyên góp chia sẻ, ủng hộ bạn bị tai nạn giao thông; hiến máu nhân đạo; tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây, hoa trong khuôn viên trường [H6-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn Thanh niên Chi đoàn giáo viên) và tổ chức khác (Khuyến học, Hội cựu giáo chức). Chi bộ Đảng, các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, đều được cấp trên đánh giá có kết quả hoạt động tốt, được khen ngợi, góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Đoàn Thanh niên có nhiều hoạt động đổi mới, tích cực được Thị đoàn Gia Nghĩa (nay là thành đoàn Gia Nghĩa), tỉnh Đoàn Đắk Nông đánh giá về công tác Đoàn thanh niên trường học vững mạnh tiêu biểu liên tục trong 5 năm. Công đoàn trường có nhiều hoạt động có chất lượng, được công đoàn cấp trên đánh giá cao và liên tục được công nhận là công đoàn cơ sở vững mạnh.

3. Điểm yếu

Hội cựu giáo chức nhà trường còn ít thành viên và đang trong quá trình thành lập nên hoạt động còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 nhà trường quan tâm kết nối chặt chẽ hơn để Hội cựu giáo chức trường hoạt động theo quy định và sôi nổi hơn. Lưu giữ các loại hồ sơ cẩn thận, khoa học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Chu Văn An có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định Điều lệ trường trung học. Việc phân công nhiệm vụ cho hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các hội đồng hợp lý, đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu giáo dục.

- Có 1 Hiệu trưởng và 3 Phó hiệu trưởng phù hợp với quy mô nhà trường [H6-2.1-01];

- Có Hội đồng trường theo quyết định thành lập của Sở Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-01].

Hằng năm, nhà trường đều có quyết định thành lập các hội đồng và bổ nhiệm chức danh cho các thành viên trong các hội đồng: Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn [H1-1.2-01]. Cán bộ, giáo viên và nhân viên trong toàn trường đều được học tập nghiên cứu quy chế hoạt động của các từng bộ phận trong nhà trường.

b) Năm học 2018 - 2019 nhà trường có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng và tổ phó (đối với tổ có nhiều thành viên hoặc tổ ghép) chịu sự quản lý chỉ đạo của hiệu trưởng, do hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học [H1-1.7-02]. Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư – thủ quỹ; kế toán; nhân viên thư viện và nhân viên quản lý thiết bị; tổ Văn phòng do 01 đồng chí phó hiệu trưởng trực tiếp quản lý và sinh hoạt cùng với tổ ; hiệu trưởng phân công và giao nhiệm vụ cho đồng chí phó hiệu trưởng chỉ đạo hoạt động của tổ [H1-1.7-02]. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng sinh hoạt theo tổ chuyên môn theo phân công [H1-1.7-02].

c) Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, đợt [H8-1.4-01]. Dựa trên kế

hoạch xây dựng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ trường trung học phổ thông được thể hiện trong hồ sơ của các tổ [H8-1.4-01], trong sổ nghị quyết của nhà trường [H8-1.1-01], trong các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04], trong các loại biên bản về đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức theo quy định [H6-1.2-03] và các loại biên bản về đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H6-1.2-03].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường, các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề chuyên môn. Mỗi tổ đã đề xuất ít nhất 01 chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục [H8-1.4-01];

b) Hàng tháng, theo qui định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt tổ 2 lần. Nội dung sinh hoạt: đánh giá các công tác đã thực hiện trong tháng; xây dựng kế hoạch bài học, dự giờ theo hướng đổi mới; đề ra kế hoạch cho thời gian kế tiếp [H8-1.4-01]. Cuối học kỳ và cuối năm học các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tiến hành kiểm tra, đánh giá xếp loại hồ sơ cá nhân, việc thực hiện quy chế chuyên môn và các hoạt động giáo dục khác để đánh giá thi đua, đánh giá viên chức theo quy định [H6-1.2-03].

Mức 3:

a) Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường định [H8-1.4-01].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H8-1.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có truyền thống 43 năm công tác giáo dục: Cơ cấu tổ chức bộ máy ổn định, đầy đủ các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng và các bộ phận khác phục vụ cho hoạt động giáo dục;

Hoạt động giáo dục đã có nề nếp, ổn định; đội ngũ thầy cô giáo đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề nghiệp, được đào tạo chính quy, chuẩn về nghề nghiệp (100% đạt chuẩn, 11 % đạt trên chuẩn); được phân công công tác phù hợp với chuyên môn đào tạo, có lòng yêu nghề, sẵn sàng học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp, gắn bó với công tác, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

Việc bố trí cán bộ chủ chốt ở các tổ chuyên môn là hợp lý, phù hợp với năng lực. Các tổ chuyên môn đã phát huy được vai trò và góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Nhà trường có đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định. Các tổ có cơ cấu, tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng nhiệm vụ, chức năng theo quy định.

Số chuyên đề chuyên môn hàng năm tổ chuyên môn đề xuất nhiều, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu

Chất lượng hồ sơ và việc lưu minh chứng các hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường hướng dẫn, yêu cầu cụ thể các tổ chuyên môn và tổ văn phòng về hồ sơ và lưu trữ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh trong nhà trường được tổ chức theo lớp học. Hiện có đủ các khối lớp từ lớp 10 đến lớp 12 [H7-1.5-02]. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H8-1.5-01].

b) Trong mỗi năm học, học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học được tổ chức theo quy định (Điều 15. Điều lệ trường trung học): mỗi lớp có không quá 45 học sinh, có ban cán sự lớp gồm lớp trưởng và 1 hoặc 2 lớp phó; lớp chia thành 4 tổ mỗi tổ không quá 11 học sinh, có tổ trưởng và tổ phó. Việc bầu ra lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó theo cơ chế dân chủ được thực hiện vào đầu mỗi năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm lớp [H8-1.5-01].

c) Nhà trường đã thực hiện cho các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, dưới sự định hướng của nhà trường, sự cố vấn, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Mỗi lớp đều có Ban cán sự lớp, cán bộ đoàn được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình. Phát huy quyền làm chủ trong quá trình học tập, giáo dục. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường [H8-1.5-01]. Mỗi lớp có quỹ lớp, thủ quỹ và các thành viên trong lớp được dân chủ bàn bạc, thống nhất việc trang bị các dụng cụ dùng chung, tự quản của lớp (rèm cửa, dụng cụ trực nhật, bình nước...) trên cơ sở có sự đồng ý của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh [H8-1.5-01], [H8-1.1-01].

Mức 2:

Học sinh của nhà trường được biên chế theo lớp, sĩ số bình quân các lớp không quá 45 học sinh thể hiện ở chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt và danh sách trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông hàng năm của nhà trường [H7-1.5-03] và báo cáo cơ sở dữ liệu ngành hằng năm [H2-2.4-01].

Mức 3:

Từ năm học 2014-2015 đến thời điểm đánh giá, số lớp học của nhà trường giao động từ 22 đến 25 lớp, số học sinh trung bình trong một lớp từ 38 đến 43 học sinh [H7-1.5-01]; [H7-1.5-02].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ các lớp của cấp học trung học phổ thông;
- Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định
- Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, có sự định hướng của nhà trường và sự đồng thuận của cha mẹ học sinh;
- Số lớp của nhà trường không quá 45; sĩ số bình quân mỗi lớp không quá 45 học sinh.
- Nhà trường có đủ phòng học để tổ chức dạy học chính khóa vào 01 buổi; còn 01 buổi thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.
- Địa điểm trường đóng trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh nên thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Công tác biên chế của các lớp đầu năm chưa có sự thống nhất chung về các tiêu chí của Ban cán sự lớp nên hoạt động của Ban cán sự lớp chưa thực sự tích cực và phụ thuộc chủ yếu vào giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Ngay đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm các lớp tổ chức, hướng dẫn cho học sinh trong lớp bầu lớp trưởng, lớp phó; học sinh trong mỗi tổ bầu tổ trưởng, tổ phó; lưu biên bản trong hồ sơ chủ nhiệm và lập danh sách thông tin lớp báo cáo nhà trường.
- Việc đảm bảo sĩ số mỗi lớp không quá 45 học sinh là hoàn toàn khả thi khi mà chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp được phê duyệt là không quá 42 học sinh/lớp như năm học 2019-2020.
- Nhà trường tiếp tục duy trì việc bố trí lớp học và việc tổ chức dạy học theo qui định để phát huy hiệu quả công tác, nâng cao chất lượng giáo dục giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi đến theo quy định, hệ thống hồ sơ nhà trường được lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và được thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của luật lưu trữ [H7-1.6-01].

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, của phòng Kế hoạch- Tài chính và Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông. Công khai tài chính được thực hiện theo quy định của nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng một cách dân chủ, công khai, được bổ sung và cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế các quy định ban hành [H7-1.6-02].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H7-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường sử dụng phần mềm Misa trong công tác kế toán giúp nâng cao hiệu quả việc cập nhật dữ liệu và lập các loại hồ sơ sổ sách kế toán theo quy định [H7-1.6-02].

Trong 05 năm liền kề (từ năm 2015 đến nay) nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính; tài chính; tài sản [H7-1.6-02].

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.1-05].

Nhà trường có các tờ trình, văn bản đề nghị với cấp có thẩm quyền nhằm tạo nguồn tài chính hỗ trợ, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị [H7-1.6-02]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định.

Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường đảm bảo tính dân chủ, sát thực với điều kiện thực tế, có tính khả thi. Thực hiện chặt chẽ, minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn hạn chế trong việc quản lý, lưu trữ văn bản đi- đến theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Dựa vào các văn bản hướng dẫn, nhà trường sớm ban hành nội quy về công tác văn thư, lưu trữ; thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi, đến đúng theo quy định; hệ thống hồ sơ nhà trường lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của luật lưu trữ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-05], sở nghị quyết của nhà trường [H8-1.1-01] và các văn bản khác có liên quan [H6-1.4-01]. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, tình hình thực tế của đơn vị và định hướng phát triển của nhà trường.

b) Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, trình độ đào tạo [H2-2.2-02], năng lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân ; sau khi tham khảo ý kiến đề xuất của các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường rõ ràng, hợp lý, đúng chuyên môn, định mức theo quy định, có tính ưu tiên (khối 12, tổ hợp tự chọn), tính kế thừa và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi cá nhân nhằm phát huy tối đa hiệu quả công tác [H1-1.7-02].

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động, thể hiện qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-04]; kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên [H6-1.2-03]; kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn, kết quả thi đua hàng năm [H6-1.2-03] và những ghi nhận của các cơ quan cấp trên về việc nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ định [H1-1.3-01].

c) Cán bộ, giáo viên, nhân viên được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ (trong 05 năm liền kể đã có 04 đồng chí tham gia và hoàn thành lớp trung cấp Lý luận chính trị; 01 đồng chí tham gia lớp cao cấp chính trị; 01

cán bộ quản lý, 01 giáo viên thi đỗ và hoàn thành chương trình học cao học, 04 giáo viên tham gia bồi dưỡng Quản lý giáo dục; 4 cán bộ quản lý đã hoàn thành bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng đối tượng 3 [H6-2.1-01].

Mức 2:

Nhà trường có biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Các biện pháp được thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-05], phân công nhiệm vụ cho CBGVNV [H1-1.7-02]; nghị quyết của nhà trường và của Hội đồng trường [H8-1.1-01], kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học, quy chế thi đua nội bộ và quy tắc ứng xử trong nhà trường [H6-1.7-01]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng và các giải pháp nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; việc phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách đối với CBGVNV theo quy định.

3. Điểm yếu

Số giáo viên nữ trong độ tuổi sinh đẻ còn nhiều nên liên tục có sự điều chỉnh về phân công chuyên môn.

Một số giáo viên còn hạn chế về việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ đầu mỗi năm học, nhà trường nắm bắt các trường hợp có thể trong diện thai sản trong năm học để có kế hoạch, chủ động trong việc phân công nhiệm vụ hợp lý, ổn định nhất.

Động viên và tiếp tục tạo điều kiện để CBGVNV tích cực tự học, hoàn thiện các chứng chỉ và nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính, ngoại ngữ phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của BGD&ĐT, các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, thể hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-05]. Năm học 2018-2019, 2019 - 2020 nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của tất các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo hướng sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa thành một số bài học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị sống, thực hành pháp luật. Kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn đã được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [H6-1.8-02]; [H8-1.4-01].

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ [H1-1.1-04]. Quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn được thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của BGDĐT và các công văn hướng dẫn của Sở GDĐT Đắk Nông; thực hiện chương trình giáo dục địa phương các môn học theo phân phối chương trình của BGDĐT và tài liệu do Sở GDĐT Đắk Nông ban hành [H5-5.1-03]; thực hiện các tiết dạy tự chọn theo đúng hướng dẫn của BGDĐT và Sở GDĐT [H6-1.8-03]; có kế hoạch dạy học tự chọn được tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thống nhất thực hiện được thể hiện trong sổ ghi đầu bài của các lớp [H7-1.8-01], các biên bản kiểm tra của cấp trên có liên quan [H6-1.7-01] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời, thể hiện trong sổ họp Liên tịch hàng tuần, nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường [H8-1.1-01] ; các báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H6-1.7-01]; [H6-1.2-03].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng BGDĐT ban hành quy định về dạy thêm học thêm, Quy định của UBND tỉnh Đắk Nông và các văn bản của Sở giáo dục đào tạo về dạy thêm học thêm. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường thực hiện đúng theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng dạy, học của đơn vị. Có đầy đủ hồ sơ, có giấy cấp phép trên cơ sở tự nguyện của học sinh, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh và giáo viên, thể hiện trên hồ sơ quản lý dạy thêm, học thêm [H6-1.8-01]. Nhà trường thường xuyên quán triệt tới cán bộ, giáo viên các quy định của BGDĐT, của tỉnh, của ngành về việc dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường .

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, lãnh đạo nhà trường, CBGVNV, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện, có kiểm tra, rà soát thường xuyên với nỗ lực cố gắng cao để thực hiện đầy đủ, có chất lượng các kế hoạch đã đề ra.

Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Chất lượng kế hoạch giáo dục của một số tổ, nhóm chuyên môn và một số giáo viên còn hạn chế; quá trình thực hiện ở một số bộ phận còn chậm so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng nâng cao chất lượng các kế hoạch giáo dục, bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình cụ thể của đơn vị, thống nhất cao trong các kế hoạch của nhà trường, các tổ chức đoàn thể, tổ nhóm chuyên môn và của mỗi cá nhân. Các kế hoạch phải rõ ràng về đặc điểm tình hình, nhiệm vụ cụ thể, phân công thực hiện, thời gian hoàn thành, chỉ tiêu, giải pháp và có kiểm tra, rà soát, điều chỉnh cũng như đánh giá kết quả đạt được, đề ra các bài học kinh nghiệm để không ngừng hoàn thiện. Nhà trường tổ chức duyệt kế hoạch, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện để có các quyết định chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng BGDĐT) [H1-1.7-01].

Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Hội nghị cán bộ, viên chức được tổ chức lấy ý kiến đóng góp, thảo luận từ cấp tổ đến trực tiếp tại hội nghị về việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường được thể hiện trong các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân, của công đoàn trường [H1-1.7-01], các quy chế dân chủ, quy chế thi đua, quy tắc ứng xử trong đơn vị [H1-1.7-01], quy chế chi tiêu nội bộ được dân chủ bàn bạc, thảo luận và thông qua thể hiện trong biên bản và Nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.7-01].

Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo nhà trường, các thành viên trong liên tịch trường, CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, được biết, được bàn, được tham gia thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định, thể hiện trong sổ họp lãnh đạo trường vào tiết 1

thứ 6 hàng tuần; số ghi nội dung họp liên tịch vào thứ 6 hàng tuần và số ghi nội dung họp cơ quan [H8-1.1-01].

b) Những năm học qua, nhà trường không có hiện tượng khiếu nại tố cáo vượt cấp [H6-1.6-01]. Các kiến nghị, phản ánh từ phía CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh được nhà trường trực tiếp giải quyết, giải trình kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật trong các cuộc họp cơ quan, họp phụ huynh học sinh [H4-4.1-01], trong Hội nghị cán bộ, viên chức [H1-1.7-01].

Nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên [H1-1.7-01].

Mức 2:

c) Nhà trường có Ban thanh tra nhân dân, ban kiểm tra nội bộ. Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát các hoạt động của nhà trường trong đó có việc thực hiện quy chế dân chủ [H6-1.6-01]. Ban kiểm tra nội bộ lên kế hoạch và tổ chức các cuộc kiểm tra thực hiện chức năng nhiệm vụ của lãnh đạo, các tổ chức, cá nhân trong nội bộ nhà trường [H6-1.6-01]. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được thể hiện qua việc có thành lập hộp thư góp ý, cung cấp số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ cổng thông tin điện tử của nhà trường, hệ thống các bảng thông báo công khai trong nhà trường, ban hành cơ chế giám sát tại quy chế dân chủ ở cơ sở [H1-1.7-01]; có thể góp ý trực tiếp với lãnh đạo nhà trường hoặc gián tiếp qua Hộp thư, qua thư điện tử hoặc qua tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, các kế hoạch, chương trình công tác được đưa ra thảo luận trong tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, thống nhất trước khi tổ chức thực hiện.

Những năm qua nhà trường không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Mọi phản ánh từ CBGVNV, học sinh và cha mẹ học sinh đều được lãnh đạo nhà trường xử lý triệt để, không để tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

Dân chủ trong nhà trường đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết và nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở chưa được thường xuyên, đặc biệt với các báo cáo theo yêu cầu của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì tốt việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. Làm tốt chức năng của Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm, lắng ý kiến của các cá nhân tổ chức trong việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, nội quy, quy tắc để phù hợp với tình hình mới. Huy động trí tuệ tập thể trong xây dựng các chương trình, các kế hoạch, các mục tiêu phát triển nhà trường, tạo sự đồng thuận cao trước khi tổ chức thực hiện.

Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo yêu cầu của cấp trên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực thể hiện trong Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1-05]; [H1-1.10-01].

Với việc đảm bảo an ninh, trật tự, nhà trường có các tường bao quanh toàn bộ khuôn viên trường, sân tập [H6-3.1-01]; bố trí các bóng điện thấp sáng tại những vị trí trọng yếu. Có 02 nhân viên bảo vệ đảm bảo luân phiên có 01 người trực 24/24. Nhà trường đã xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ cơ quan [H1-1.7-01]; có các cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường, giữa nhà trường với công an xã, công an huyện trong việc đảm bảo, giữ gìn, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự đặc biệt khi nhà trường tổ chức các sự kiện lớn [H1-1.10-01]. Tổ chức cho học sinh và nhà trường ký cam kết với công an huyện về việc thực hiện tốt các quy định về An toàn giao thông; về pháo nổ [H1-1.10-02].

Với việc đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích: Nhà trường, Đoàn thanh niên phối hợp với công an Thị xã Gia Nghĩa, công an tỉnh Đắk Nông đã có những bài nói chuyện, buổi ngoại khóa về an toàn giao thông [H6-3.1-02]. Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, cơ sở vật chất dạy học môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng-An ninh như sân chơi, bãi tập, dụng cụ dạy, học... đảm bảo an toàn cao khi sử dụng [H7-1.6-02]. Nhà trường có nhân viên phụ trách công tác y tế [H6-2.3-01]; , với tủ thuốc y tế thường xuyên cập nhật, trang

bị các cơ sở thuốc, dụng cụ y tế dùng cho chăm sóc sức khỏe ban đầu của CBGVNV và học sinh [H7-1.10-01]. Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho học sinh đầu cấp, có hệ thống sổ sách theo dõi sức khỏe học sinh trong cả khóa học [H7-1.10-01].

Với nội dung an toàn phòng, chống cháy nổ: Nhà trường ban hành nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy trong nhà trường [H1-1.7-01]; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, đã có buổi ngoại khóa với nội dung tuyên truyền kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy .

Nhà trường thường xuyên quan tâm và có các giải pháp đối với công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn bạo lực học đường nên trong các năm qua an ninh, trật tự, an toàn, môi trường cảnh quan nhà trường được đảm bảo, được công nhận đạt tiêu chuẩn về “An toàn an ninh, trật tự” góp phần nâng cao hình ảnh, cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H6-1.10-01].

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác như thông qua sổ liên lạc điện tử, qua đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ đoàn trường, qua đại diện cha mẹ học sinh nhà trường, đại diện cha mẹ học sinh các lớp để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, góp phần đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H6-3.1-02].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm [H1-1.1-04] .

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm và có các biện pháp, phương án phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho học sinh và CBGVNV của nhà trường.

An ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh, cảnh quan nhà trường được đảm bảo và không ngừng nâng lên, tạo được môi trường học tập an toàn, thân thiện làm cho cha mẹ học sinh yên tâm và tin tưởng.

3. Điểm yếu

Hệ thống chữa cháy của nhà trường đã quá cũ nhưng chưa có điều kiện về tài chính để sửa chữa, cải tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học đã đạt được.

Sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp để lắp đặt một số camera an ninh tại những vị trí trọng yếu trong nhà trường.

Tìm nguồn kinh phí để cải tạo, sửa chữa hệ thống chữa cháy trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy và thực hiện các hoạt động giáo dục theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Những điểm mạnh nổi bật như tổ chức Đảng Cộng sản, Công đoàn, đoàn Thanh niên; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình; quy chế dân chủ cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo tốt góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Những điểm còn hạn chế cơ bản của tiêu chuẩn là cơ sở vật chất và việc lưu trữ hồ sơ, sổ sách của các bộ phận trong nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh là nguồn lực thiết yếu để thực hiện và quyết định chất lượng các hoạt động giáo dục trong mỗi nhà trường. Trường THPT Chu Văn An luôn xác định công tác xây dựng đội ngũ là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nhà trường. Việc xây dựng và nâng cao phẩm chất, năng lực đội ngũ luôn được nhà trường quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường cơ bản đảm bảo, hợp lý về số lượng, cơ cấu; chất lượng không ngừng được nâng cao; có phẩm chất đạo đức, tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo; được bố trí công việc phù hợp giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân.

Học sinh của nhà trường đảm bảo về độ tuổi theo quy định; thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục, cơ bản chăm ngoan, có động cơ, thái độ học tập tốt, có sự vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có Hiệu trưởng và 3 Phó hiệu trưởng đạt trình độ chuẩn trở lên với 1 cử nhân, 3 thạc sĩ; có thời gian giảng dạy cấp THPT từ 15 năm trở lên [H6-2.1-01]; Hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn quy định tại Chuẩn hiệu trưởng trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Phó Hiệu trưởng đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp giáo viên cấp học THPT và đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H6-1.2-03].

b) Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường được đánh giá hằng năm đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng [H6-1.2-03].

c) Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý, lý luận chính trị, công tác giáo dục hướng nghiệp, tư vấn học đường, công tác phòng cháy chữa cháy,...[H6-1.4-01].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng mức tốt, đảm bảo yêu cầu có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H6-1.2-03].

b) Đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đã học xong các lớp về lý luận chính trị theo quy định (3 trung cấp, 1 cao cấp) [H6-2.1-01]; đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu, có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, được tập thể tín nhiệm [H6-1.2-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng có kết quả đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt đạt yêu cầu của mức 3 [H6-1.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu theo quy định. Có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên, đã qua các lớp đào tạo về quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất và năng lực quản lý nhà trường. Việc phân công, phân nhiệm được Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tiến hành công khai, rõ ràng, hợp lý, được tập thể tin nhiệm.

Trong quá trình lãnh đạo và quản lý nhà trường luôn tuân thủ những điều đã được quy định của các văn bản pháp quy, thực hiện đúng quy chế dân chủ trong nhà trường, động viên và tập hợp được lực lượng làm việc, phát huy được vai trò trách nhiệm của CBGV-CNV, đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng dạy và học, đưa nhà trường ngày càng phát triển đi lên.

3. Điểm yếu

Trong quá trình lãnh đạo và quản lý nhà trường, có một số kế hoạch ít quan trọng chưa được đội ngũ quản lý của nhà trường xây dựng và chỉ đạo thực hiện kịp thời do đó hiệu quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần triệt để xây dựng kế hoạch và đề ra những chỉ tiêu, giải pháp một cách cụ thể cho tất cả các hoạt động giáo dục, tập trung nguồn lực triển khai thực hiện kế hoạch có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thực hiện quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của BGDĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập, nhà trường hiện có 56 giáo viên, cơ cấu đủ cho tất cả các môn học, đảm bảo tỉ lệ 2,25 giáo viên trên lớp [H2-2.2-01]; giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn hoặc gần chuyên môn được đào tạo, đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.7-02].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, cụ thể có 51 giáo viên có trình độ đại học (chiếm tỉ lệ 91%) và 5 giáo viên có trình độ thạc sĩ (chiếm tỉ lệ 9%) [H2-2.2-02].

c) Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, đạt điều kiện có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên theo quy định [H6-1.2-03].

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo năm 2014-2015 đạt 5%, năm 2015-2016 đạt 7%, năm 2016-2017 đạt 7%, năm 2017-2018 đạt 7%, năm 2018-2019 đạt 9%. Vậy trong 05 năm liên tiếp tính từ năm 2014-2015 đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, bền vững [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, đạt yêu cầu 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn [H6-1.2-03].

c) Đội ngũ giáo viên của nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh [H1-1.7-02]; [H5-5.4-01]; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H2-2.2-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H6-1.2-03].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có từ 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H6-1.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H6-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên của nhà trường được đào tạo chính quy, chuẩn về nghề nghiệp (100% đạt chuẩn, 9% đạt trên chuẩn); có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định; được phân công công tác phù hợp với chuyên môn đào tạo, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và tổ chức các hoạt động giáo dục; có tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề nghiệp; có lòng yêu nghề, sẵn sàng học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đồng nghiệp, gắn bó với công tác, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Cơ cấu giáo viên trên bộ môn chưa đồng đều, có sự thừa thiếu cục bộ điều này ít nhiều gây khó khăn trong phân công nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục báo cáo tình hình thừa, thiếu giáo viên giữa các bộ môn cho Sở GDĐT để có sự bố trí, cơ cấu lại cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm tự đánh giá, số lượng đội ngũ nhân viên của nhà trường gồm 6 người ở các vị trí việc làm gồm: thư viện; thiết bị, thí nghiệm; công nghệ thông tin; kế toán; thủ quỹ; văn thư; y tế và các lao động hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ vệ sinh, bảo vệ đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H2-2.2-02]; [H6-2.3-01].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, phù hợp với năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.7-02]; [H2-2.2-02]; [H6-2.3-01].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H6-1.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có 6 nhân viên thuộc nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gồm: thư viện; thiết bị, thí nghiệm; công nghệ thông tin; kế toán; thủ quỹ; văn thư; y tế. Đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Độ ngũ nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao [H6-2.3-01].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của nhà trường được biên chế đủ số lượng, đạt chuẩn đào tạo, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm theo quy định.

Thực hiện nề nếp hành chính khá tốt, hoàn thành khá tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Một số nhân viên còn có những hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, năng lực làm việc thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tăng cường công tác quản lý, quản trị nhằm có sự thúc đẩy năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên.

- Khuyến khích đội ngũ nhân viên không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bằng hình thức tự học, tham gia các lớp tập huấn, đào tạo.

- Trên cơ sở đội ngũ sẵn có, nhà trường cần có sự phân công công việc hợp lý, có thể luân chuyển một số vị trí công tác nhằm nâng cao tính hiệu quả, giúp đội ngũ nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của nhà trường dự tuyển vào lớp 10 ở tuổi 15, không có học sinh quá tuổi do bị lưu ban trên 2 năm, đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H7-1.5-03].

b) Nhà trường đã niêm yết bảng nhiệm vụ của học sinh trong mỗi lớp học nhằm nhắc nhở, giáo dục các em biết nhiệm vụ của mình một cách thường xuyên, do đó học sinh của nhà trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông; giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường [H1-1.1-04]; [H7-1.5-02]; [H6-3.1-02]; [H5-5.1-04]; [H6-5.2-01].

c) Nhà trường luôn đảm bảo các quyền của học sinh, đã niêm yết bảng quyền của học sinh trong mỗi lớp học nhằm đảm bảo các em luôn được biết quyền của mình đó là được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định; được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống; được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt.

Mức 2:

Đầu năm học, nhà trường tổ chức cho học sinh học tập nội quy, phổ biến các Điều 38, 39 và 40 của Điều lệ trường trung học quy định về nhiệm vụ, hành vi ngôn ngữ ứng xử trang phục của học sinh để học sinh chấp hành nghiêm túc quy định về các hành vi không được làm [H1-1.1-05]. Nhà trường đã chỉ đạo GVCN, GVBM và ban quản lý học sinh thường xuyên kiểm tra, ghi chép các vi phạm để nhắc nhở, giáo dục học sinh thực hiện tốt nội quy kỷ cương trường lớp, ngăn chặn xử lý kịp thời những trường hợp học sinh vi phạm [H8-1.5-01]; [H7-2.4-01]; [H8-1.1-01].

Mức 3:

Phần lớn học sinh của nhà trường ngoan, lễ phép, chăm học, thành tích học tập và rèn luyện tốt. Điều này đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp nói riêng và chất lượng giáo dục của nhà trường nói chung [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường bảo đảm đúng độ tuổi quy định tại các khoản 2,3 và 4 Điều 37 của Điều lệ trường trung học. Đa số học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng quy định; được đảm bảo quyền và nghĩa vụ.

3. Điểm yếu

Vẫn còn hiện tượng học sinh vi phạm nội quy trường lớp như: Vắng học, cúp học, trang phục, đầu tóc, trang điểm,...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức trong nhà trường để làm tốt công tác giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử cho học sinh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tái phạm.

Tăng cường hoạt động của Ban quản lý học sinh; kiểm tra việc thực hiện nề nếp của học sinh theo kế hoạch hoặc đột xuất; theo dõi và uốn nắn kịp thời những thiếu sót của học sinh về đạo đức, chuyên cần, chấp hành nội quy kỷ luật và các quy định khác của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Nhà trường có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên với cơ cấu phù hợp, số lượng đủ, trình độ đào tạo 100% đạt chuẩn theo quy định. Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường luôn được Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt; 100% giáo viên được đánh giá loại khá trở lên; 100% nhân viên được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Vẫn còn học sinh vi phạm nội quy trường lớp, học sinh lưu ban. Kết quả học sinh giỏi cấp quốc gia của nhà trường còn rất khiêm tốn.

Một số giáo viên, nhân viên còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chậm đổi mới.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường THPT Chu Văn An có cơ sở vật chất khang trang phục vụ tốt cho công tác dạy và học: Tổng số phòng: có 35 phòng học (trong đó dãy nhà 3 tầng có 17 phòng học, dãy nhà 2 tầng có 02 phòng tin học, 01 phòng dạy học tương tác đa điểm Activboard, có 03 phòng học bộ môn dùng để thực hành thí nghiệm cho 3 bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh vật; 02 phòng học tin học đủ máy móc và kết nối mạng phục vụ cho dạy học Tin học cũng như tổ chức các cuộc thi Toán, Tiếng Anh trực tuyến và 01 phòng học, dãy nhà cấp 4 có 9

phòng học). Khối hành chính có 11 phòng, khối phục vụ học tập gồm 01 hội trường, 01 nhà tập đa năng, 01 thư viện, 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế; cảnh quan sư phạm thường xuyên “Xanh – Sạch - Đẹp” đảm bảo cho công tác dạy và học. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích và thiết bị luyện tập thể dục thể thao đảm bảo an toàn. Nhà trường có 2 Khu vệ sinh: Một khu vệ sinh riêng cho cán bộ-giáo viên-nhân viên, một khu vệ sinh riêng cho học sinh; có hệ thống cấp nước sạch và hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường. Nhà trường có 2 khu nhà để xe: Một khu nhà để xe riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và một khu nhà để xe riêng cho học sinh và khách đến làm việc được bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự, vệ sinh. Nhà trường có hệ thống tường rào bao bọc với 2 cổng trước và sau; có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học. Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của giáo viên và học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Chu văn An được UBND tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định thành lập số 730-QĐ/UB ngày 03 tháng 10 năm 1977 với tổng diện tích là 32.000 m² và được UBND tỉnh Đắk Nông ra Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 2239/QĐ-UBND ngày 19.12.2013 [H6-3.1-01].

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường đúng Điều lệ trường trung học, có tường xây cao bao quanh toàn bộ khu vực trường [H6-3.1-01].

c) Nhà trường có sân chơi, bãi tập, nhà tập đa năng có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H6-3.1-02]; [H6-3.1-01]; [H7-3.1-01].

Mức 2:

Nhà trường có sân chơi, bãi tập rộng rãi, nhà tập đa năng có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H6-3.1-01]; [H7-3.1-01]; [H6-3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường có diện tích hơn 30 m²/học sinh; Có khu sân chơi, bãi tập chung với diện tích 4.900m² chiếm khoảng 16% tổng diện tích mặt bằng của nhà trường [H6-3.1-01]. Khu sân chơi có hoa, có cây xanh bóng mát, chầu cảnh, ghế đá... [H6-3.1-02] luôn đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, làm tăng thêm nét mỹ quan trường học và phục vụ tốt các hoạt động vui chơi. Khu bãi tập có bóng mát cây xanh, có đủ các thiết bị luyện tập thể dục thể thao, học tập bộ môn Giáo dục quốc phòng, đảm bảo an toàn cho học sinh [H7-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Hồ sơ thành lập trường, quyết định giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu giữ đầy đủ. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh đạt quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “xanh – sạch – đẹp”.

Nhà trường có khu sân chơi bãi tập chung với khu cây xanh bóng mát, vệ sinh sạch sẽ phục vụ tốt các hoạt động vui chơi, luyện tập thể chất.

3. Điểm yếu

Khu bãi tập phục vụ học tập thể dục thể thao, học tập bộ môn giáo dục quốc phòng - an ninh của học sinh bố trí ở khu đường đi nội bộ nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

Nhà trường vẫn thiếu sân xà đơn, xà kép cho học sinh luyện tập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban lao động trường phối hợp với Đoàn trường, giáo viên chủ nhiệm thường xuyên phân công lớp chăm sóc, bảo vệ các cây xanh và tăng cường trồng thêm và thay thế một số cây kém phát triển trong sân chơi, bãi tập nhà trường.

Phát huy và khai thác triệt để lợi thế về diện tích, khuôn viên trong quá trình dạy học, tổ chức các hoạt động và các giờ chơi cho học sinh, tạo sự thoải mái và đảm bảo sức khỏe cho các em trong hoạt động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 27 phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết (bảng từ), đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học hai ca trong một ngày [H1-1.1-04]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01]

b) Khối phòng học bộ môn: Có 07 phòng học bộ môn đang sử dụng gồm 01 phòng thực hành môn Vật lý, 01 phòng thực hành môn Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh học, 02 phòng thực hành Tin học và 01 phòng học được trang bị bảng tương tác, máy chiếu phục vụ cho các tiết học ngoại ngữ; trong đó 02 phòng thực hành Tin học được trang bị đầy đủ về máy tính của giáo viên và học sinh [H6-3.1-01]; [H6-3.1-02].

c) Nhà trường có phòng hoạt động của Đoàn thanh niên, vị trí thuận lợi, đầy đủ trang thiết bị; thư viện đạt chuẩn, phòng truyền thống có không gian sạch, đẹp được trang trí hài hòa, ý nghĩa [H1-1.1-04]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01]; [H6-3.1-02].

Mức 2:

a) Phòng học được kiên cố hóa từ 2009, đạt chuẩn 24 phòng thuộc dãy nhà A...; 09 phòng thuộc dãy nhà C diện tích còn hạn chế do xây dựng từ năm 1995; phòng học bộ môn mới được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định thiết kế [H6-3.1-01]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01]; [H1-1.1-04].

b) Khối phục vụ học tập gồm 01 nhà tập đa năng, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, 01 phòng đồ dùng thiết bị giảng dạy (các phòng học bộ môn thuộc dãy nhà E mới xây dựng đều có ngăn chứa đồ dùng, thiết bị và là nơi chuẩn bị dụng cụ, thiết bị thí nghiệm của tiết học) đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H6-3.1-01]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có 07 phòng học phòng bộ môn nhưng chưa có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Nhà trường chưa có phòng để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt [H6-3.1-01]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Khối phòng học có đủ số phòng để học 2 ca trong một ngày, đảm bảo đúng quy cách theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối phòng học bộ môn và phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng thực sự có hiệu quả và đúng theo các quy định hiện hành.

3. Điểm yếu

Bàn ghế học sinh tại các phòng học đã cũ, hiện tại có 11/25 phòng học sử dụng bàn ghế có 02 học sinh/bàn và 14/25 phòng học sử dụng bàn ghế 04 học sinh/bàn.

Nhà trường hiện có phòng học bộ môn đạt chuẩn, thiết bị phục vụ học tập về cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học, đạt hiệu quả.

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đề xuất với cấp có thẩm quyền để tăng cường cơ sở vật chất cho phòng học bộ môn.

Trang bị thêm các đầu sách, máy tính để thư viện đáp ứng được nhu cầu mượn, đọc của giáo viên và học sinh.

Bố trí phòng để tổ chức hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Nâng cấp phòng truyền thông, phòng họp nhằm phát huy hiệu quả phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các phòng đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường: có 02 phòng học tin, 01 phòng thiết bị giáo dục, có phòng truyền thông và phòng Đoàn [H6-3.1-01]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01].

b) Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên; có đủ lán xe cho học sinh, được phân riêng từng khối, từng lớp được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự [H6-1.6-01].

c) Nhà trường bổ sung, sửa chữa các thiết bị khối hành chính – quản trị theo định kỳ .

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị theo quy định: Một dãy nhà 02 tầng là khu Hiệu bộ (gồm 01 phòng Hội đồng, 01 phòng hiệu trưởng, 03 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng công đoàn, 01 phòng văn thư, 01 phòng hành chính. Phòng y tế và phòng bảo vệ bố trí dãy nhà C [H7-3.1-01]; [H6-1.6-01].

Nhà trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ.

Mức 3:

Khối hành chính – quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H6-3.1-01]; [H6-1.6-01]; [H7-3.1-01]

2. Điểm mạnh

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu một số phòng hoạt động chuyên môn (phòng họp của tổ bộ môn). Một số tổ họp, sinh hoạt chuyên môn tại phòng hội đồng

Thiết bị của phòng khối hành chính – quản trị đã cũ, hoạt động kém hiệu quả (máy tính, máy foto thường xuyên bị lỗi...).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lập kế hoạch sửa chữa, bố trí thêm các phòng họp tổ bộ môn nhằm phát huy hiệu quả sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn.

Có kế hoạch bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có một khu vệ sinh của giáo viên (02 phòng) nằm vị trí khu vực nhà Hiệu bộ; 01 khu vệ sinh của học sinh, mỗi khu có một dãy phòng dành cho học sinh nam và một dãy phòng dành cho học sinh nữ được bố trí thuận tiện, đảm bảo vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu vệ sinh học sinh gồm nhà vệ sinh mái bằng kiên cố gồm hai dãy phòng nam - nữ; khu nhà Đa năng mới có 01 phòng vệ sinh đạt tiêu chuẩn xây dựng. Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng, được vệ sinh thường xuyên và không ô nhiễm môi trường [H6-3.1-02]; [H6-3.1-01]; [H6-1.6-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch theo quy định về vệ sinh môi trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh .

Từ năm 2008 nhà trường đã cho thiết kế và lắp đặt hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn cho học sinh và cán bộ - giáo viên – nhân viên. Nhà trường có hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực trong và ngoài khuôn viên nhà trường đảm bảo theo yêu cầu; việc thu gom rác thải trong nhà trường được thực hiện thường xuyên, đảm bảo yêu cầu của hoạt động giáo dục [H7-1.10-01]; [H7-1.6-02].

c) Nhà trường có thuê nhân viên lao công vệ sinh trường lớp hàng ngày, thu gom rác [H7-1.6-02] và hợp đồng với nhân viên thu gom rác tại địa phương để vận chuyển ra ngoài trường. Có các thùng đựng rác để ở các vị trí hợp lý [H7-1.6-02].

Mức 2:

a) Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước sạch, đủ ánh sáng và không ô nhiễm môi trường, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H6-3.1-02].

b) Nhà trường có hệ thống nước được mua từ nhà máy nước sạch, lắp đặt máy cung cấp nước uống đảm bảo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục [H7-1.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khu vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tốt cho công việc và học tập của cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh toàn trường; Hợp đồng thuê lao công, quét dọn sân trường sạch sẽ hàng ngày.

Nhà trường có hệ thống nước máy, nước lọc được kiểm nghiệm đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

Hệ thống thu gom và xử lý chất thải còn hạn chế, chưa đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì thường xuyên việc cung cấp đầy đủ nước sạch để sinh hoạt, lau chùi, dọn dẹp các công trình vệ sinh, khu học tập, khu thí nghiệm - thực hành, khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính – quản trị; thu gom rác thải trong nhà trường bảo đảm sự thông thoáng, không để ô nhiễm môi trường; tạo sự thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Duy trì việc bảo hành, bảo trì hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn cho học sinh và cán bộ - giáo viên – nhân viên của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

- a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;
- b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H7-3.5-01].
- b) Nhà trường được trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu cùng với các thiết bị hiện có của nhà trường, thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn và 01 phòng chứa thiết bị của nhà trường [H7-3.1-01].
- c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê và có kế hoạch sửa chữa thiết bị hư hỏng [H7-3.5-01].

Mức 2:

- a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối Internet; wifi được phủ sóng miễn phí toàn trường phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy, học của giáo viên và học sinh [H7-1.6-02].
- b) Nhà trường có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu và có các biện pháp bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học để phục vụ công tác giảng dạy [H8-1.4-01]. Các tổ chuyên môn thực hiện các tiết dạy thí nghiệm và thực hành đúng quy định [H8-1.4-01].
- c) Hàng năm, nhà trường đầu tư mua sắm và bảo quản, tu sửa thiết bị, đồ dùng bị hỏng, tiêu hao. Xây dựng nội quy sử dụng thiết bị nhằm sử dụng các thiết bị có hiệu quả nhất [H7-3.1-01].

Mức 3:

Phòng bộ môn các môn học có thí nghiệm, thực hành đủ thiết bị để đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H7-3.1-01]; [H7-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy.

Thiết bị dạy học được trang bị tương đối đầy đủ, cơ bản thuận lợi cho công tác bảo quản, sử dụng.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng nên dễ hỏng sau khi sử dụng. Một số thiết bị chất lượng chưa tốt, độ chính xác không cao dẫn đến giáo viên khó khăn khi làm các thí nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường đề nghị cấp có thẩm quyền tạo điều kiện để mua sắm thiết bị, hoá chất để các phòng bộ môn đạt chuẩn theo quy định.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tốt đồ dùng dạy học đạt hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên để phát huy tối đa tác dụng của việc sử dụng thiết bị phục vụ hiệu quả chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có vị trí đẹp, thuận lợi [H6-3.1-01]; Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-01]; có phòng đọc chung cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh với diện tích 98,2 m² (15,6m x 6,3m), có đầy đủ trang thiết bị (bàn ghế, kệ, tủ, máy vi tính có nối mạng...), được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của nhà trường [H7-3.2-01]; [H7-3.1-01].

a) Hoạt động của Thư viện thực hiện qua sổ theo dõi mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Nhà trường tiến hành tự kiểm tra, rà soát công tác thư viện trong năm học [H7-3.2-01].

c) Hàng năm, thư viện được kiểm kê, bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập. Việc bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và các dự án cấp phát của Sở Giáo Dục và Đào tạo [H7-3.2-01].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học chuẩn [H3-3.6-01].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên nhưng nhà trường hiện đã xây dựng thư viện điện tử, có hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet (05 máy) đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H7-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có cơ sở vật chất đảm bảo, vị trí thuận lợi, phòng đọc cho giáo viên và học sinh.

Thư viện trường quản lý bằng phần mềm hiện đại, có máy tính nối mạng để truy cập dễ dàng, thuận tiện.

Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Số đầu sách tham khảo có trong thư viện còn chưa nhiều, chưa đa dạng.

Việc tuyên truyền giới thiệu sách chưa thường xuyên, việc đọc tại chỗ của giáo viên và học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch mua bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật phù hợp nhu cầu học tập hiện nay của giáo viên và học sinh.

Thực hiện việc mượn, trả sách đúng quy định.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu sách bằng các hoạt động, hình thức phù hợp với đối tượng học sinh Trung học phổ thông.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường THPT Chu Văn An có khuôn viên riêng biệt, môi trường trong lành thoáng mát. Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường đạt chuẩn, nhà trường hiện đã xây dựng thư viện điện tử, có hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet (05 máy) đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy và học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học

sinh. Thư viện, có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

Tuy nhiên, nhà trường chưa được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng chức năng; bàn ghế tại các phòng học của học sinh đã cũ. Hiện nay, có 14/27 phòng học sử dụng bàn ghế gỗ 04 học sinh/bộ; phòng học chưa đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập (nếu có). Thiết bị giáo dục và một số đồ dùng dạy học phục vụ cho việc dạy và học đã bị hư hỏng do sử dụng nhiều năm. Kinh phí của nhà trường eo hẹp nên việc bổ sung, mua sắm thêm các trang thiết bị, việc tu sửa các hạng mục công trình phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường còn bị hạn chế.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục luôn được nhà trường chú trọng và duy trì tốt. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội tốt sẽ tạo ra thế đứng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến học sinh, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương. Ngoài ra, nhà trường còn coi trọng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức đoàn thể, xã hội ngoài nhà trường nhằm tăng cường sự ủng hộ về vật chất cũng như tinh thần để xây dựng cơ sở vật chất, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương

chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THPT Chu Văn An được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường gồm có 03 thành viên [H4-4.1-01]. Ở mỗi lớp đầu năm đều có tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh của mỗi lớp gồm có 02 thành viên và 01 thư ký [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường xây dựng kế hoạch, quy chế, phương hướng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo đúng quy chế và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh quy định [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và cha mẹ học sinh họp định kỳ đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học để kịp thời trao đổi tình hình của nhà trường, của lớp, của học sinh [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THPT Chu Văn An có kế hoạch hoạt động theo năm học [H4-4.1-01]. Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo kế hoạch, cung cấp thông tin, kế hoạch phát triển của nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với cha mẹ học sinh để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh, nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THPT Chu Văn An tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ, được đại diện phụ huynh các lớp thông báo đến các phụ huynh tại cuộc họp phụ huynh học sinh giữa kỳ, cuối năm học [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THPT Chu Văn An đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện [H4-4.1-01]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; phối hợp với nhà trường trong công tác giảng dạy cũng như giáo dục đạo đức tác phong, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí để

khích lệ tinh thần học tập của học sinh trong các hội thi, các hoạt động ngoại khóa cũng như các sinh hoạt vui chơi tập thể của học sinh.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường và chi hội phụ huynh chưa thể hiện rõ nét, chưa thường xuyên.

Nhà trường chưa thực sự làm tốt công tác tham mưu để Ban đại diện cha mẹ học sinh trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong mọi hoạt động để hiệu quả giáo dục học sinh ngày càng cao hơn. Giáo viên chủ nhiệm cần phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh của các chi hội để trao đổi và áp dụng nhiều hình thức trong việc giáo dục đạo đức, việc học tập ở nhà, rèn kỹ năng sống cho học sinh để các em thực hiện tốt nhiệm vụ học sinh.

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp xây dựng kế hoạch cụ thể gắn với nhiệm vụ năm học của nhà trường để hoạt động thực sự đạt hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường có kế hoạch cụ thể phối hợp với Đảng ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường; phối hợp với các đoàn thể địa phương về công tác tuyển sinh lớp 10, thi THPTQG; phối hợp với các đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyên truyền đến học sinh, phụ huynh, cho học sinh ký cam kết đảm bảo an ninh trật tự khi tham gia giao thông; không buôn bán, sử dụng, vận chuyển pháo, ký cam kết an toàn giao thông... [H1-1.1-05].

b) Nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông,...) [H4-4.1-01]; [H8-1.1-01]; [H1-1.1-02].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hằng năm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần tu sửa cơ sở vật chất nhà trường [H4-4.1-02].

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H1-1.1-05]; [H6-3.1-02].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhà trường là địa điểm tin cậy để tổ chức các sự kiện văn hóa của địa phương và đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Gia Nghĩa công nhận đạt đơn vị văn hóa nhiều năm liên tục [H6-3.1-02]; [H4-4.2-01].

2. Điểm mạnh

Cấp ủy, chính quyền, công đoàn nhà trường luôn tạo điều kiện về vật chất, tinh thần trong việc phối hợp với các tổ chức, cá nhân để tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng, phát triển nhà trường.

Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc. Tích cực tham mưu và phối hợp với chính quyền địa phương để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh.

3. Điểm yếu

Công tác vận động, huy động có lúc chưa thật kịp thời, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường. Nguồn lực huy động trong phụ huynh còn rất thấp

Công việc chăm sóc gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương nhưng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ thường xuyên, chủ động hơn trong việc phối hợp với các đoàn thể ở địa phương nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, tạo môi trường giáo dục lành mạnh cho học sinh.

Tiếp tục duy trì tham mưu và tranh thủ các nguồn lực của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để có kinh phí xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, kịp thời hỗ trợ động viên, khen thưởng học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Có kế hoạch tìm địa chỉ cụ thể gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương để tri ân, chăm sóc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục. Trong công tác này, nhà trường có thuận lợi vì trường đặt trên địa bàn trung tâm Thành phố nên điều kiện kinh tế phụ huynh tương đối khá, các em được gia đình đầu tư nhiều cho việc học tập, việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong những năm qua đạt được kết quả khá tốt.

Một số gia đình chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em mình, cũng như trên địa bàn chưa có các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh quy mô nên huy động các nguồn lực ủng hộ về xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp xây dựng cảnh quan môi trường; khuyến học của nhà trường gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Căn cứ trên các quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, nhà trường đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch năm học, kế hoạch các hoạt động giáo dục. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy phẩm chất năng lực của học sinh. Duy trì các hoạt động thao giảng, dự giờ, viết sáng kiến/nghiên cứu khoa học, thi giáo viên giỏi và giáo viên chủ nhiệm giỏi, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Công tác chủ nhiệm được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả

quản lý học sinh, thúc đẩy động lực cho học sinh giỏi và giúp đỡ các học sinh yếu kém vươn lên trong rèn luyện đạo đức và học tập.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống thường xuyên được tổ chức lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp các em hiểu biết hơn và có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống từ đó tự điều chỉnh bản thân để có các hành vi ứng xử phù hợp.

Vì vậy, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt: tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hằng năm đều tăng, kết quả học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thể dục thể thao và tham gia các hội thi khác có hiệu quả.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học do Bộ GDĐT ban hành; căn cứ hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông, nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch năm học theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục, đáp ứng được quan điểm chỉ đạo của Đảng, của tinh thần Nghị Quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như các hướng dẫn tổ chức thực hiện và được Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông phê duyệt [H1-1.1-05]. Trong đó:

- Đảm bảo tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục cấp học THPT với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc học kỳ I, kết thúc năm học theo quy định, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, kiểm tra định kỳ [H6-1.8-03]; [H7-1.8-01]; [H7-3.5-01].

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khóa về khoa học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện cho phép của nhà trường [H1-1.1-05].

b) Chất lượng giáo dục là thước đo để đánh giá hiệu quả công tác dạy và học của nhà trường, do đó nhà trường trước tiên rất chú trọng việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học; công văn số 535/BGDĐT- GDTrH ngày 27/5/2013 về áp dụng phương pháp "Bàn tay nặn bột" và các phương pháp dạy học tích cực khác; đổi mới đánh giá giờ dạy giáo viên, xây dựng tiêu chí đánh giá giờ dạy dựa trên Công văn số 5555/BGDĐT- GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT; công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH, về hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018; các văn bản hướng dẫn của cấp quản lý về vấn đề trên đến toàn thể đội ngũ giáo viên của nhà trường và chỉ đạo thực hiện [H1-1.1-05]. Từ đó:

- Giáo viên của nhà trường đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học từ tiếp cận kiến thức chuyên sang tiếp cận năng lực học sinh, thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp các hoạt động dạy và học hợp lý, phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình giáo dục. Vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H8-1.4-01]; [H6-1.7-01].

- Đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành trong các môn học, bảo đảm cân đối giữa việc tổ chức cho học sinh lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ hành vi cho học sinh, sử dụng hợp lý thiết bị, đồ dùng dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với các hoạt động học của học sinh. Tăng cường hướng dẫn học sinh rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H8-1.4-01]; [H6-1.7-01]; [H8-1.4-01].

c) Đánh giá kết quả học tập của học sinh là một hoạt động rất quan trọng trong quá trình giáo dục. Là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh nhằm tạo cơ sở cho những điều chỉnh s-u phạm của giáo viên, các giải pháp quản lý của nhà trường và cho bản thân học sinh, để học sinh học tập đạt kết quả tốt hơn. Do đó:

- Nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Không kiểm tra, đánh giá những nội dung, bài tập, câu hỏi vượt quá mức độ cần đạt về kiến thức,

kỹ năng của chương trình hiện hành. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập [H1-1.1-05]; [H7-1.5-02]; [H6-1.8-04]; [H8-1.1-01].

- Đối với bài kiểm tra viết từ 1 tiết trở lên và bài kiểm tra học kỳ của 8 môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Anh văn nhà trường thực hiện theo phương thức tập trung, chia 24 học sinh/phòng thi, có đánh số báo danh. Công cụ đánh giá là đề kiểm tra được xây dựng trên ma trận đề thống nhất của tổ/nhóm chuyên môn, thực hiện chấm bài bằng máy đối với hình thức kiểm tra trắc nghiệm và có cắt phách đối với bài tự luận chấm tay [H6-1.8-04].

Nhìn chung khâu kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo thực chất, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục theo quy định. Đảm bảo thực hiện dạy đủ tất cả các bộ môn và các hoạt động giáo dục khác [H1-1.1-05]; hoàn thành kết hoạch giáo dục theo khung thời gian quy định chung trong toàn tỉnh [H1-1.1-04].

Hàng năm, nhà trường tổ chức bàn giao chất lượng giáo dục cho các tổ bộ môn [H5-5.1-05], với mục tiêu đảm bảo chất lượng và hướng tới sự tăng trưởng, các tổ bộ môn đã chú trọng trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, tập trung thảo luận trao đổi thống nhất sắp xếp lại nội dung dạy học với thời lượng phù hợp, được phê duyệt của hiệu trưởng để triển khai thực hiện đại trà [H5-5.1-03]; [H8-1.4-01], từ đó mỗi giáo viên có sự lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp mình phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh, đáp ứng mục tiêu chất lượng đề ra [H6-1.7-01]; [H8-1.4-01]; [H5-5.1-06].

b) Đầu mỗi năm học, nhà trường đã triển khai công tác phát hiện học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H1-1.1-05], xây dựng kế hoạch thực hiện [H5-5.1-01].

Nhà trường đã lập được danh sách học sinh có năng khiếu về các môn văn hóa, thể dục thể thao, văn nghệ,... và tổ chức các lớp ôn luyện [H1-1.1-05]; [H5-5.1-01]. Công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu luôn được nhà trường chú trọng, đưa ra khung thời gian ôn luyện hợp lý, chỉ đạo tổ bộ môn thảo luận, lựa chọn các chủ đề và phân công những giáo viên có tay nghề cao phụ trách, do đó kết quả đạt được đáng khích lệ [H5-5.1-04].

Thông qua việc bàn giao chất lượng bộ môn đầu mỗi năm học, nhà trường cũng đã giao nhiệm vụ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy có kế hoạch hỗ trợ kiến thức cho những học sinh có học lực yếu kém để giúp học sinh có thể vươn lên trong học tập, duy trì chất lượng giáo dục [H5-5.1-01]; giáo viên chủ nhiệm lưu tâm, hướng dẫn học sinh làm hồ sơ và báo cáo nhà trường để thực hiện các chế độ hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội học tập cho các em [H5-5.1-07].

Mức 3:

Nhà trường luôn tiến hành rà soát, nhận xét đánh giá về các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách kịp thời sau mỗi hoạt động, sau mỗi tháng trong cuộc họp đội đồng.

Từ đó đưa ra các nhận định, đánh giá về hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục đã thực hiện, đề ra những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh trong chu trình tiếp theo [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học theo quy định, sắp xếp, nội dung dạy học, xây dựng được chương trình giáo dục phù hợp.

Giáo viên nhà trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn trong từng tiết dạy và giáo dục.

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, quá trình kiểm tra đánh giá có ý nghĩa trong việc thúc đẩy hiệu quả của quá trình dạy học.

Nhà trường quan tâm phát hiện và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhìn chung chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững và có xu hướng phát triển.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có học sinh có học lực yếu, kém; học sinh có kết quả xếp loại hạnh kiểm trung bình, yếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học, lãnh đạo nhà trường, các tổ chuyên môn tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng xây dựng kế hoạch chuyên môn, kế hoạch giảng dạy của cá nhân, triển khai thực hiện có hiệu quả. Chú trọng công tác phụ đạo học sinh yếu kém nhằm từng bước giảm tỉ lệ học sinh lưu ban.

Tiếp tục duy trì và chuẩn bị đầy đủ hơn nữa về các điều kiện cho các hoạt động giáo dục khác được diễn ra theo kế hoạch, mang lại hiệu quả thiết thực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-01].

b) Nhà trường có tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Chỉ đạo các giáo viên chủ nhiệm tiến hành tìm hiểu về chất lượng giáo dục 2 mặt của lớp chủ nhiệm thông qua bảng điểm cuối năm trước [H5-5.1-05], tìm hiểu lý lịch học sinh, nắm bắt thông tin từng học sinh trong lớp mình ngay từ đầu năm học để biết được những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường phù hợp [H8-1.5-01].

Thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-07]; đề cử tên các em để nhận các suất học bổng, các suất quà của các nhà tài trợ dành cho học sinh nghèo vượt khó, học sinh có tài năng [H5-5.1-08]; thực hiện chính sách miễn/giảm tiền học thêm để tạo điều kiện cho các em có cơ hội được học tập [H5-5.1-09]. Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm là người theo dõi sát tình hình học tập và rèn luyện của từng học sinh trong lớp chủ nhiệm được phân công, có sự trao đổi thường xuyên với tập thể sư phạm nhà trường những trường hợp học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện để có sự hỗ trợ từ giáo viên bộ môn của lớp đó [H8-1.5-01].

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh có học lực yếu kém [H5-5.1-01].

Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi có hiệu quả [H5-5.1-01]; [H6-5.2-01].

c) Hằng năm nhà trường có sự rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Từ đó để ghi nhận những thành tích đã đạt được, nhìn nhận những mặt còn chưa được, toàn bộ kế hoạch hoạt động được rà soát lại, đánh giá lại để có cơ sở triển khai kế hoạch ở năm tiếp theo [H1-1.1-05]; [H8-1.1-01];

Mức 2:

Với việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiêm túc, hàng năm thành tích đội tuyển học sinh giỏi bộ môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh của nhà trường trong những năm qua có sự tăng trưởng [H6-5.2-01]. Thành tích của các cuộc thi khác, hoạt động phong trào cũng đạt được những kết quả cao được các cấp thẩm quyền ghi nhận [H6-5.2-01]. Học sinh có học lực yếu kém, giảm đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục, không có học sinh bỏ học vì có hoàn cảnh gia đình khó khăn [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H6-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự quan tâm, triển khai xây dựng đầy đủ kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện trong từng năm học.

Các tổ chuyên môn đã bám sát các chỉ tiêu giáo dục của nhà trường để xây dựng kế hoạch chuyên môn phù hợp. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, hết lòng vì học sinh đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm đến các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, giúp các em hòa nhập với cộng đồng và đáp ứng được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi luôn được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động giáo dục chung của nhà trường nên luôn được nhà trường quan tâm và chỉ đạo sát sao. Kế hoạch và chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi được xây dựng cụ thể phù hợp với từng bộ môn và được giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện. Giáo viên phụ trách đội tuyển được lựa chọn là những giáo viên có trách nhiệm, có trình độ chuyên môn cao, say mê, tâm huyết với công tác này.

Điều kiện dạy và học, các chế độ thu hút đối với hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu của nhà trường luôn được chú trọng, một mặt là điều kiện cần, mặt khác là điều kiện đủ để động viên khích lệ, lôi cuốn đội ngũ tham gia.

3. Điểm yếu

Mặc dù thành tích đạt được của đội tuyển học sinh giỏi qua các kỳ thi được giữ vững và có dấu hiệu tăng, tuy nhiên một số bộ môn tự nhiên như Vật lý, Hóa học trong nhiều năm không có học sinh tham gia. Kết quả thi chọn đội tuyển học sinh giỏi quốc gia còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được của công tác giáo dục học sinh có năng khiếu; quan tâm hỗ trợ, thực hiện đầy đủ các chế độ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, những học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn nâng cao hơn nữa trong nội dung sinh hoạt chuyên môn, thảo luận sâu các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi, chú trọng chất lượng giờ dạy, nhạy bén trong phát hiện học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng đặc biệt ở những môn nhiều năm không có học sinh tham gia. Thảo luận các biện pháp hỗ trợ học sinh yếu kém bộ môn.

Tăng cường đầu tư thêm các đầu sách tham khảo, kết hợp cùng thư viện tỉnh trong việc mượn các đầu sách hay phục vụ tốt công tác dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 7/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân đã thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo tiết quy định trong phân phối chương trình. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử địa phương khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương Đắk Nông [H5-5.1-03]; [H1-1.1-05]; [H7-1.8-01].

b) Nhà trường sử dụng tài liệu giáo dục địa phương của các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân của Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông phát hành vào giảng dạy và đánh giá trong chương trình giáo dục địa phương. Qua đó, giúp học sinh hiểu biết thêm về văn hóa, lịch sử, kinh tế - xã hội của địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

c) Đầu mỗi năm học, khi xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, nhà trường đã chỉ đạo các tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho sát với tình hình thực tế của địa phương trước khi thực hiện [H1-1.1-05]; tăng cường thảo luận về các chuyên đề có nội dung tích hợp giáo dục địa phương để các thành viên trong tổ góp ý, bổ sung và thực hiện giảng dạy cho phù hợp [H8-1.4-01].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định. Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn, qua các tiết học (bài, môđun, chủ đề...) đã quy định dành cho giáo dục địa phương giúp học sinh tìm hiểu địa lí, khí hậu, đất đai, tài nguyên... của địa phương qua bộ môn Địa lí; tìm hiểu truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân địa phương, quá trình hình thành và phát triển của Tỉnh, các di tích, địa danh lịch sử địa phương ...qua bộ môn Lịch sử; tìm hiểu truyền thống văn hóa, phong tục tập quán, cách giao tiếp ứng xử, ngôn ngữ của địa phương qua bộ môn Ngữ văn [H5-5.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến chất lượng giảng dạy các bộ môn văn hóa và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, vì thế việc tích hợp các nội dung giáo dục địa phương trong các môn học cũng được chú trọng và tổ chức chặt chẽ.

Đa số học sinh có ý thức tham gia mọi hoạt động do nhà trường đề ra, chấp hành nghiêm chỉnh, nhiệt tình tích cực.

Chương trình nội dung giáo dục địa phương đã góp phần tích cực trong phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương đã tạo cho các em niềm tự hào và tình cảm yêu mến sâu sắc đối với con người và mảnh đất quê hương. Từ đó tạo động lực cho học sinh học tập phấn đấu cống hiến cho địa phương và đất nước.

3. Điểm yếu

Tài liệu về giáo dục địa phương còn rất hạn chế, việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương chỉ mang tính lí thuyết còn thực tiễn học sinh chưa có điều kiện tham quan thực tế vì vậy hiệu quả chưa được như mong đợi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định. Đầu tư kinh phí để các tổ chuyên môn sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương, phục vụ cho các tiết dạy đạt hiệu quả giáo dục cao. Cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách báo và tin tức của địa phương. Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng giờ dạy về nội dung giáo dục địa phương cần tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tạo điều kiện cho học sinh được tham quan một số địa danh thực tế để các em thêm yêu thích các nội dung, chủ đề được học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp theo kế hoạch, có sự phân công cụ thể cho giáo viên kiêm nhiệm [H1-1.7-02], tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động ngoài giờ lên lớp gắn liền với các chủ đề chủ điểm từng tháng dưới nhiều hình thức [H5-5.4-01]. Thực hiện giảng dạy tiết sinh hoạt hướng nghiệp cho cả 3 khối lớp, ngoài ra nhà trường còn kết hợp với các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, tỉnh đoàn Đắk Nông tổ chức các buổi hướng nghiệp riêng cho học sinh khối 12 nhằm giúp các em có thêm kiến thức để đưa ra sự định hướng, lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân [H5-5.4-01].

c) Nhà trường có sự phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Cụ thể:

- Thực hiện giảng dạy hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hướng nghiệp do 1 phó hiệu trưởng và Đoàn thanh niên phụ trách [H1-1.7-02] .

- Giáo viên bộ môn thực hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua môn học [H8-1.4-01].

- Giáo viên chủ nhiệm thực hiện tham gia quản lý và phụ trách nội dung các hoạt động được tổ chức trong phạm vi của lớp; các bộ phận khác trong phân việc chuẩn bị, giữ nề nếp,...đối với các hoạt động tổ chức phạm vi rộng.

Mức 2:

a) Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên và các bộ phận phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp với tâm lý lứa tuổi học sinh và điều kiện cho phép của nhà trường như: Tổ chức thảo luận, tổ chức các trò chơi, tổ chức các câu lạc bộ, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, tổ chức sự kiện, hoạt động chiến dịch nhằm tạo sự hứng thú, lôi cuốn học sinh vào hoạt động [H5-5.4-01].

b) Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp định kỳ vào cuối năm, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo thực hiện tốt hơn [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, phù hợp với học sinh với nhiều hình thức góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất cũng như rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; có sự phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; phối hợp với các trường Cao đẳng, Đại học tư vấn hướng nghiệp cho học sinh và định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hàng năm.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có biên chế giáo viên chuyên trách do đó hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa thực sự mang lại hiệu quả cao. Một số hình thức tổ chức trải nghiệm như tham quan dã ngoại, Diễn đàn, Tổ chức các cuộc thi, ... còn ít được thực hiện do nguồn kinh phí dành cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục chỉ đạo xây dựng và triển khai có hiệu quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phù hợp với điều kiện cho phép. Cử giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; khuyến khích giáo viên tự học, tự nghiên cứu; từng bước chuẩn bị các điều kiện khác như thời gian, kinh phí, con người để tổ chức đa dạng hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Công tác định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương luôn được nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện lồng ghép trong kế hoạch năm học hằng năm [H1-1.1-05].

b) Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm: Giáo dục học sinh ý thức chấp hành luật giao thông, cách phòng tránh tai nạn giao thông qua môn học Giáo dục công dân, bài giảng an toàn giao thông. Chú trọng các kỹ năng giao tiếp thiết yếu cho học sinh; kỹ năng ứng xử biết kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm. Qua đó quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

c) Hoạt động giáo dục của nhà trường được xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp quản lý, tập trung vào mục tiêu chung cần đạt của giáo dục bậc THPT. Do đó đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh theo quy định của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD-ĐT về Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Kế hoạch kiểm tra luôn được nhà trường, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm thông báo đến học sinh cụ thể, kịp thời [H6-1.8-04]. Học sinh của nhà trường chủ động biết thông tin về số bài, hình thức, nội dung, các yêu cầu khác về từng bài kiểm tra của từng môn học, từ đó có sự chuẩn bị và ôn tập trước; được hướng dẫn đánh giá kết quả mỗi bài kiểm tra trong giờ trả bài của từng bộ môn; được hướng dẫn về cách đánh giá kết quả học tập và rèn luyện trong buổi học quy chế đầu năm và buổi họp cuối mỗi kỳ của lớp [H8-1.5-01].

b) Nhà trường luôn chỉ đạo đội ngũ giáo viên thực hiện đầy đủ các tiết dạy thực hành theo quy định, khuyến khích thực hiện đa dạng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học [H1-1.1-05]; [H7-3.5-01] nhằm từng bước tăng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức, vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất trong đời sống và sinh hoạt hàng ngày như làm bài thực hành, làm thí nghiệm, giải thích các hiện tượng tự nhiên,... [H5-5.5-03]. Học sinh của nhà trường đã tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, cuộc thi thực hành vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết tình huống thực tế dành cho học sinh cấp tỉnh, cấp quốc gia với kết quả đáng khích lệ [H2-2.2-03]; [H5-5.5-01]. Điều đó cho thấy khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh của từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Học sinh của nhà trường bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ dưới sự hướng dẫn của giáo viên, năm 2017-2018 có 02 dự án được xếp loại khuyến khích trong kỳ thi cấp tỉnh, năm 2018-2019 có 02 dự án được xếp loại khuyến khích trong kỳ thi cấp tỉnh [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục cho học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Các hình thức rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh phong phú, học sinh được rèn luyện, tích lũy nhiều kỹ năng cơ bản. Học sinh của nhà trường có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân và đánh giá lẫn nhau.

3. Điểm yếu

Chưa gây dựng được phong trào nghiên cứu khoa học kỹ thuật một cách sôi nổi, do đó còn thu hút một số ít học sinh tham gia, kết quả nghiên cứu chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với các trung tâm, viện nghiên cứu, các trường Đại học hỗ trợ, giúp đỡ giáo viên và học sinh của nhà trường trong nghiên cứu khoa học.

Tổ chức khen thưởng động viên học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật kịp thời để kích thích học sinh tích cực nghiên cứu và phát động hoạt động nghiên cứu sâu rộng hơn.

- Cải thiện các điều kiện thực hành bộ môn, tăng cường nghiên cứu khoa học công nghệ. Cuộc thi khoa học kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn, Giáo Viên không chuyên về nghiên cứu khoa học, học sinh còn hạn chế khả năng tự nghiên cứu, kinh phí hỗ trợ cho các dự án khoa học kỹ thuật còn hạn chế, nhất là các dự án kỹ thuật. - Thiếu sự gắn kết với các cơ sở tại địa phương để vận dụng vào thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
 - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
 - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.
- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhìn chung kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh cuối năm của học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

- Năm 2014-2015: Tổng tỉ lệ học sinh khá, giỏi đạt 51,6%/45% theo kế hoạch; trung bình trở lên đạt 98,2%/95% theo kế hoạch; yếu, kém đạt 1,8%/dưới 5% theo kế hoạch. Tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 98,8%/ 97%theo kế hoạch; trung bình, yếu: 1,2%/3% theo kế hoạch [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2015-2016: Tổng tỉ lệ học sinh khá, giỏi đạt 53,7%/50% theo kế hoạch; trung bình trở lên đạt 95,1%/95% theo kế hoạch; yếu, kém đạt 4,9%/dưới 5% theo kế hoạch. Tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 97,7%/99%theo kế hoạch; trung bình, yếu: 2,3%/1% theo kế hoạch [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2016-2017: Tổng tỉ lệ học sinh khá, giỏi đạt 60,8%/50% theo kế hoạch; trung bình trở lên đạt 98,7%/95% theo kế hoạch; yếu, kém đạt 1,3%/dưới 5% theo kế hoạch. Tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 98,6%/99% theo kế hoạch; trung bình, yếu: 1,4%/1% theo kế hoạch [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2017-2018: Tổng tỉ lệ học sinh khá, giỏi đạt 57,5%/50% theo kế hoạch; trung bình trở lên đạt 98,9%/95% theo kế hoạch; yếu, kém đạt 1,1%/dưới 5% theo kế hoạch. Tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 97,9%/99% theo kế hoạch; trung bình, yếu: 2,1%/1%theo kế hoạch [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2018-2019: Tổng tỉ lệ học sinh khá, giỏi đạt 57,9%/50% theo kế hoạch; trung bình trở lên đạt 98,2%/95% theo kế hoạch; yếu, kém đạt 1,8%/dưới 5% theo kế hoạch. Tỉ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,3%/99% theo kế hoạch; trung bình, yếu: 0,7%/1% theo kế hoạch [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp nhìn chung đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, cụ thể:

- Tỷ lệ học sinh lên lớp: Năm 2014-2015 đạt 98,3%/99% theo kế hoạch; năm 2015-2016 đạt 99,1%/99% theo kế hoạch; năm 2016-2017 đạt 99,4%/99% theo kế hoạch; năm 2017-2018 đạt 99,3%/96,5% theo kế hoạch; năm 2018-2019 đạt 99,1%/96,5% theo kế hoạch [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Tỷ lệ tốt nghiệp: Năm 2014-2015 đạt 96%/95% theo kế hoạch; năm 2015-2016 đạt 94,4%/95% theo kế hoạch; năm 2016-2017 đạt 100%/95% theo kế hoạch; năm 2017-2018 đạt 93,4%/97% theo kế hoạch; năm 2018-2019 đạt 98%/97% theo kế hoạch. Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trong giai đoạn từ 2014-2015 đến 2018-2019 chịu tác động của việc thay đổi phương thức, cách thức thi, công thức tính điểm; tỷ lệ tốt nghiệp đạt được của

nhà trường ở 1 số năm có thấp hơn so với chỉ tiêu đưa ra tuy nhiên tỷ lệ này luôn cao hơn tỷ lệ chung của toàn tỉnh [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

c) Công tác phân luồng học sinh được nhà trường quan tâm, hằng năm thực hiện phương thức biên chế lớp theo năng lực học, theo định hướng phân ban (Ban khoa học tự nhiên, ban cơ bản) đối với khối 10, khối 11 nhằm giúp học giúp học sinh dần định hướng khối thi, ngành thi cho bản thân. Đối với khối 12 biên chế lớp theo lực học kết hợp với lựa chọn khối thi, tổ hợp môn thi, qua đó giúp các em dần đưa ra lựa chọn hướng đi tiếp theo là tiếp tục học ở bậc học cao hơn hoặc theo hướng đào tạo nghề [H1-1.1-05]. Năm 2018-2019 nhà trường có 76% học sinh theo học Đại học - Cao đẳng; 7% vào Trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề; 8% vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo sơ cấp; 10% tham gia lao động sản xuất [H5-5.4-01].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh trong 05 năm:

- Năm 2014-2015: Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt 51,6%; trung bình trở lên đạt 98,2%; yếu, kém đạt 1,8%. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 98,8%; trung bình, yếu: 1,2%[H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2015-2016: Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt 53,7%; trung bình trở lên đạt 95,1%; yếu, kém đạt 4,9%. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 97,7%; trung bình, yếu: 2,3%[H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2016-2017: Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt 60,8%; trung bình trở lên đạt 98,7%; yếu, kém đạt 1,3%. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 98,6%; trung bình, yếu: 1,4%[H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2017-2018: Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt 57,5%; trung bình trở lên đạt 98,9%; yếu, kém đạt 1,1%. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 97,9%; trung bình, yếu: 2,1%[H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

- Năm 2018-2019: Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt 57,9%; trung bình trở lên đạt 98,2%; yếu, kém đạt 1,8%. Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,3%; trung bình, yếu: 0,7% [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02].

Qua số liệu, cho thấy tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi của nhà trường luôn đạt trên 50% và có sự tăng nhẹ; học sinh có học lực yếu, kém luôn được duy trì trong giới hạn cho phép của trường chuẩn quốc gia ($<5\%$). Tỷ lệ học sinh có hạnh kiểm khá, tốt luôn trên 97%, năm 2018-2019 tỷ lệ này tăng đến 99,3%. Điều này khẳng định kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

b) Số liệu về tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp trong 5 năm từ năm 2014-2015 đến 2018-2019:

- Tỷ lệ học sinh lên lớp: Năm 2014-2015 đạt 98,3%, năm 2015-2016 đạt 99,1%, năm 2016-2017 đạt 99,4%, năm 2017-2018 đạt 99,3%, năm 2018-2019 đạt 99,1% [H1-1.1-05]; [H1-1.7-01]; [H5-5.5-02]. Tỷ lệ học sinh lên lớp của nhà trường trên 98% trong vòng 5 năm liên tiếp, nằm trong giới hạn cho phép về tỷ lệ lưu ban của trường chuẩn quốc gia ($<5\%$).

- Tỷ lệ tốt nghiệp: Năm 2014-2015 đạt 96%, năm 2015-2016 đạt 94,4%, năm 2016-2017 đạt 100%, năm 2017-2018 đạt 93,4%, năm 2018-2019 đạt 98%. Kết quả kỳ

thi tốt nghiệp của nhà trường luôn luôn cao hơn tỷ lệ chung của toàn tỉnh, duy trì ổn định trên 93% trong 5 năm [H5-5.6-01].

Điều đó cho thấy tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh năm học 2018 - 2019 [H5-5.5-02]:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi đạt 7,12% > 5% theo quy định (đạt mức 3).

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá đạt 50,8% > 20% theo quy định (đạt mức 3).

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém đạt 1,8 % < 10% theo quy định (đạt mức 3).

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,3 > 90% theo quy định (đạt mức 3).

b) Về tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Nhà trường không có học sinh bỏ học trong thời điểm đánh giá (Đạt mức 3).

- Tỷ lệ học sinh lưu ban năm 2018-2019 đạt 0,9% < 5% theo quy định (Đạt mức 3) [H7-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt quyết định đến sứ mệnh và thương hiệu của nhà trường, do đó đã rất chú trọng trong xây dựng kế hoạch từng năm học, xác định rõ các chỉ tiêu, biện pháp thực hiện để nâng cao chất lượng đại trà, chất lượng học sinh giỏi và tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm.

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp cơ bản đã đáp ứng mục tiêu đề ra, có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Không có học sinh bỏ học, tỉ lệ lưu ban thấp hơn so với ngưỡng cho phép.

Nhà trường đã thực hiện việc định hướng, phân luồng học sinh xuyên suốt trong quá trình đào tạo, đã tạo ra được sự phân luồng sau tốt nghiệp THPT.

3. Điểm yếu

- Mặc dù nhà trường đã triển khai việc thông kê phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT qua nhiều kênh như: thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp, thông qua bộ phận phát trả thông báo trúng tuyển nhưng vẫn không nắm bắt được đầy đủ số liệu, vì việc khai báo của học sinh không đầy đủ và giấy báo trúng tuyển cũng không được gửi về qua một kênh duy nhất là nhà trường do đó việc đánh giá công tác phân luồng học sinh còn chưa có độ chính xác cao.

- Vẫn còn có học sinh vi phạm lỗi sử dụng tài liệu trong làm bài kiểm tra học kỳ đã làm ảnh hưởng đến tỉ lệ xếp loại hạnh kiểm chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được và xây dựng kế hoạch chuyên môn hợp lý, phân công chuyên môn giáo viên phù hợp với năng lực để phát huy tốt hiệu quả giảng dạy. Tăng cường công tác giáo dục đạo đức học sinh; tiếp tục thực hiện đổi mới phương

pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá nhằm duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng học lực, hạnh kiểm, tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THPT; tăng cường hơn nữa công tác dạy phụ đạo học sinh yếu, kém và công tác chủ nhiệm lớp để kịp thời giúp đỡ những học sinh yếu, kém, học sinh có nguy cơ bỏ học vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Cải tiến công tác thống kê phân luồng học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Chương trình, kế hoạch giáo dục được triển khai đúng chủ đề, chủ điểm năm học và đúng quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT có điều chỉnh trong việc thực hiện cho phù hợp với thực tiễn nhà trường.

Hàng năm nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục theo kế hoạch xây dựng đầu năm học. Lãnh đạo đã quan tâm đôn đốc kiểm tra các hoạt động giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Kết quả giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh cũng như tỷ lệ học sinh tốt nghiệp được giữ ổn định đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường và chuyển biến tích cực trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống nâng cao nhận thức về giáo dục địa phương cho học sinh.

Nhà trường bước đầu đã có sự rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục tuy nhiên còn chưa phân tích kỹ để từ đó có sự cải tiến cách thức tổ chức các hoạt động.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**

3. Điểm yếu**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng****5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng**2. Điểm mạnh****3. Điểm yếu****4. Kế hoạch cải tiến chất lượng****5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**2. Điểm mạnh****3. Điểm yếu****4. Kế hoạch cải tiến chất lượng****5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**2. Điểm mạnh****3. Điểm yếu****4. Kế hoạch cải tiến chất lượng****5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng**2. Điểm mạnh****3. Điểm yếu****4. Kế hoạch cải tiến chất lượng****5. Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: (28/28) (20/20) tiêu chí chiếm 100 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia của nhà trường được công khai, cam kết chất lượng với toàn xã hội. Vì vậy, báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã thể hiện tính khách quan, trung thực; các giải thích, nhận định, kết luận được dựa trên những thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, bảo đảm độ tin cậy cao; bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

Đối chiếu với các kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá trường THPT Chu Văn An đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt mức 1: 28/28 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt mức 2: 28/28 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt mức 3: 20/20 tiêu chí chiếm 100 %

+ Không tự đánh giá các tiêu chí mức 4

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá trường THPT Chu Văn An tự đánh trường đạt mức 3.

Trường THPT Chu Văn An đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường THPT Chu Văn An về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia trường trung học. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp uỷ, chính quyền địa

phương, các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHU VĂN AN tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt mức độ 2 trường chuẩn Quốc Gia.

Gia Nghĩa, ngày 31 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Yến

Phần IV
PHỤ LỤC